

Số: 39./2019/CV-LMH

TP. HCM, ngày 22 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING
- Mã chứng khoán : LMH
- Địa chỉ trụ sở chính : 132 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận I, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028.730 87 997 Fax: 028.730 87 997
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đào Vũ Thiên Long

Chức vụ : Chuyên viên Pháp lý

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/04/2019 tại đường dẫn : <http://www.landmarkvn.com>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền CBTT

Tài liệu đính kèm/

- Báo cáo hợp nhất quý I năm 2019



ĐÀO VŨ THIÊN LONG

CÔNG TY CP LANDMARK HODLING

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Landmark Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 1 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Thăng Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311803955, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi tên công ty. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 7308 7997

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại - Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn tàu biển;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm hóa dầu và khí (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn). Bán buôn than. Đại lý xăng dầu. Bán buôn gas (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: Bán buôn nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm - Chi tiết: bán buôn phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác và thu gom than cứng (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác và thu gom than non (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic - Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa gia dụng, công nghiệp, bao bì nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương - Chi tiết: Cho thuê tàu biển;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn sản phẩm nhựa gia dụng, công nghiệp, bao bì bằng nhựa, bán buôn xơ, sợi;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - (Trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và đường hàng không);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tư vấn bất động sản (trừ các hoạt động mang tính chất pháp lý);
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng kỹ thuật công trình dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế ngoại thất. Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lương Quang Vinh	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 5 năm 2017	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 16 tháng 5 năm 2016	Ngày 15 tháng 1 năm 2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 23 tháng 5 năm 2017	Ngày 15 tháng 1 năm 2019
Ông Andy H Lang	Thành viên	Ngày 20 tháng 9 năm 2017	Ngày 15 tháng 1 năm 2019
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên	Ngày 20 tháng 9 năm 2017	
Ông Trương Hoàng Vũ	Thành viên	Ngày 15 tháng 01 năm 2019	
Ông Đoàn Thế Linh	Thành viên	Ngày 15 tháng 01 năm 2019	
Ông Nguyễn San Miên Nhuận	Thành viên	Ngày 15 tháng 01 năm 2019	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Cảnh Tâm	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 12 năm 2015	Ngày 15 tháng 1 năm 2019
Bà Quách Thị Loan Thảo	Thành viên	Ngày 28 tháng 12 năm 2015	Ngày 15 tháng 1 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Ngày 28 tháng 12 năm 2015	Ngày 15 tháng 1 năm 2019
Bà Bùi Thị Luyến	Thành viên	Ngày 15 tháng 1 năm 2019	
Ông Trần Minh Trường	Thành viên	Ngày 15 tháng 1 năm 2019	
Bà Vũ Thị Minh Thùy	Thành viên	Ngày 15 tháng 1 năm 2019	

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 11 năm 2018	
Ông Võ Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 02 năm 2019	

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 11 năm 2018	

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính Hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính Hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trương Hoàng Vũ

Ngày 19 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		591,396,847,789	828,919,847,468
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	5,434,277,699	21,252,534,460
111	1. Tiền		5,434,277,699	7,252,534,460
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	14,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		22,020,000,000	22,020,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	22,020,000,000	22,020,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		434,431,934,825	694,897,204,551
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	76,152,368,997	219,115,383,799
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	329,240,474,282	445,500,982,623
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	22,263,568,000	23,334,568,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	7,122,003,399	7,546,624,062
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(346,479,853)	(600,353,933)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	119,828,184,495	80,920,203,706
141	1. Hàng tồn kho		119,828,184,495	80,920,203,706
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9,682,450,770	9,829,904,751
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	6,733,905,076	6,368,254,211
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2,938,545,694	3,451,650,540
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10,000,000	10,000,000
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		91,848,546,571	94,923,732,078
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7,120,489,820	10,495,489,820
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	3,375,000,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.6b	7,120,489,820	7,120,489,820
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		6,772,070,776	7,181,347,621
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	6,772,070,776	7,181,347,621
222	- Nguyên giá		9,955,626,118	9,955,626,118
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,183,555,342)	(2,774,278,497)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	66,628,016,842	66,628,016,842
231	- Nguyên giá		66,628,016,842	66,628,016,842
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	5,741,388,223	5,000,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		741,388,223	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5,000,000,000	5,000,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5,586,580,910	5,618,877,795
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	4,086,323,653	4,038,249,613
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
269	3. Lợi thế thương mại		1,500,257,257	1,580,628,182
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		683,245,394,360	923,843,579,546

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		410,651,732,896	647,792,638,796
310	I. Nợ ngắn hạn		409,301,732,896	646,847,638,796
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	45,322,780,987	192,334,427,439
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	161,413,912,168	162,404,396,383
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	5,688,190,528	4,420,861,502
314	4. Phải trả người lao động		388,170,480	610,848,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	3,406,427,050
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		3,319,111,233	5,876,182,800
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14a	193,169,567,500	277,794,495,622
330	II. Nợ dài hạn		1,350,000,000	945,000,000
337	1. Phải trả dài hạn khác		405,000,000	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14b	945,000,000	945,000,000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		272,593,661,464	276,050,940,750
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	272,593,661,464	276,050,940,750
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		233,000,000,000	233,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		233,000,000,000	233,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35,608,499,807	34,961,250,557
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		33,324,062,782	15,128,170,101
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2,284,437,025	19,833,080,456
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3,985,161,657	8,089,690,193
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		683,245,394,360	923,843,579,546

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



VƯƠNG ĐỨC THUẬN

ĐÀO VŨ THIÊN LONG

TRƯƠNG HOÀNG VŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		383,200,419,962	777,061,219,427	383,200,419,962	777,061,219,427
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	383,200,419,962	777,061,219,427	383,200,419,962	777,061,219,427
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	365,923,637,034	760,105,430,890	365,923,637,034	760,105,430,890
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17,276,782,928	16,955,788,537	17,276,782,928	16,955,788,537
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		270,177,817	274,917,091	270,177,817	274,917,091
22	7. Chi phí tài chính		3,339,973,923	4,042,267,723	3,339,973,923	4,042,267,723
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3,339,973,923	4,042,267,723	3,339,973,923	4,042,267,723
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(216,459,883)	-	(216,459,883)	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.3	3,832,119,421	301,716,940	3,832,119,421	301,716,940
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	7,289,148,564	5,221,826,114	7,289,148,564	5,221,826,114
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,869,258,954	7,664,894,851	2,869,258,954	7,664,894,851
31	12. Thu nhập khác		380,002	3,560	380,002	3,560
32	13. Chi phí khác		23,255,101	5,024,923	23,255,101	5,024,923
40	14. Lợi nhuận khác		(22,875,099)	(5,021,363)	(22,875,099)	(5,021,363)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,846,383,855	7,659,873,488	2,846,383,855	7,659,873,488
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.5	1,261,511,247	1,531,974,698	1,261,511,247	1,531,974,698
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,584,872,608	6,127,898,790	1,584,872,608	6,127,898,790
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		2,284,437,025	6,127,898,790	2,284,437,025	6,127,898,790

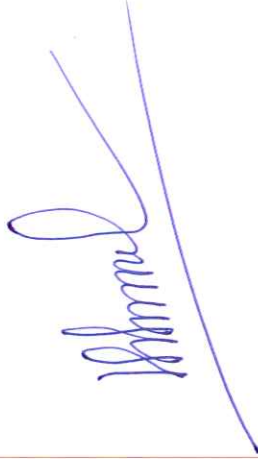
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay		Năm trước	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		383,200,419,962	777,061,219,427	383,200,419,962	777,061,219,427
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(699,564,417)	-	(699,564,417)	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6a	98	263	98	263
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.6b	98	263	98	263

Người lập biểu



VƯƠNG ĐỨC THUẬN

Kế toán trưởng



ĐÀO VŨ THIÊN LONG

Tổng Giám đốc



TRƯƠNG HOÀNG VŨ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2,846,383,855	7,659,869,928
	2. Điều chỉnh các khoản		3,522,029,679	4,089,512,876
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		409,276,845	322,162,244
03	- Các khoản dự phòng		(253,874,080)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		26,652,991	(274,917,091)
06	- Chi phí lãi vay		3,339,973,923	4,042,267,723
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6,368,413,534	11,749,382,804
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		258,552,420,851	(38,405,654,774)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(38,907,980,789)	8,905,240,311
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(150,967,686,181)	(52,043,110,491)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(413,724,905)	(855,822,393)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3,626,754,273)	(4,042,267,723)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71,004,688,237	(74,692,232,266)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(436,374,083)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8,200,000,000)	(13,600,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9,446,000,000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6,000,000,000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		270,177,817	274,917,091
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4,483,822,183)	(13,761,456,992)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		234,433,192,500	481,267,225,428
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(319,058,120,622)	(350,876,451,033)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(84,624,928,122)</i>	<i>130,390,774,395</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(18,104,062,068)	41,937,085,137
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23,538,339,767	19,940,015,423
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	5,434,277,699	61,877,100,560

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2019
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



VƯƠNG ĐỨC THUẬN

ĐÀO VŨ THIÊN LONG

TRƯƠNG HOÀNG VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Landmark Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại - dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn sản phẩm nhựa gia dụng, công nghiệp, bao bì bằng nhựa; bán buôn xơ, sợi; sản xuất sản phẩm nhựa gia dụng, công nghiệp, bao bì nhựa; bán buôn các sản phẩm hóa dầu và khí; bán lẻ hạt nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hóa chất; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản; nhà thầu xây lắp./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	
Công ty Cổ phần Landmark Energy	Số 21 Phan Kế Bính, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	70%	70%	70%	
			Tỷ lệ vốn góp tại 31/03/19	77,89%	77,89%	77,89%
Công ty Cổ phần Vsmarttek	Số 178 Nguyễn Hoàng, phường An Phú, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất và thương mại hóa sản phẩm giải pháp An ninh thông minh, khóa thông minh	51%	51%	51%	
			Tỷ lệ vốn góp tại 31/03/19	23,67%	23,67%	23,67%

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư nêu trên và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Hưng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Hưng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Số liệu so sánh

Số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là của Báo cáo riêng của Công ty mẹ, do tại thời điểm đó chưa phát sinh đầu tư vào các Công ty con này, nên chỉ mang tính chất tham khảo, không có giá trị so sánh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.747.795.718	1.404.227.358
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.686.481.981	5.848.307.102
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	-	14.000.000.000
Cộng	5.434.277.699	21.252.534.460

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn/dài hạn

2a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22.020.000.000	22.020.000.000
Cộng	22.020.000.000	22.020.000.000

2b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên doanh,	741.388.223	741.388.223	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
liên kết				
Trái phiếu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>5.741.388.223</u>	<u>5.741.388.223</u>	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				-
Công ty Cổ phần Ecopetro		28.969.180.000		10.000.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Đại Dương Xanh		15.956.987.316		55.169.787.316
Công ty Cổ phần Vertical Synergy Việt Nam		13.278.671.000		84.607.675.216
Các khách hàng khác		17.947.530.681		69.337.921.267
Cộng		<u>76.152.368.997</u>		<u>219.115.383.799</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>				-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		329.240.474.282		445.500.982.623
Công ty TNHH MTV BĐS Phú An Thịnh		211.443.024.658		208.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình		96.570.353.224		210.921.866.123
Các nhà cung cấp khác		21.227.096.400		26.579.116.500
Cộng		<u>329.240.474.282</u>		<u>445.500.982.623</u>
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn				
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Kyongin Motors Việt Nam		11.134.568.000		11.134.568.000
Công ty Cổ phần Zenith Motors Việt Nam		8.200.000.000		6.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Ku.dos		1.000.000.000		-
Lê Đức Anh		1.929.000.000		-
Khác		-		6.200.000.000
Cộng		<u>22.263.568.000</u>		<u>23.334.568.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Thuế TNDN tạm nộp	1.647.026.376	-	1.572.479.303	-
Lãi dự thu	820.854.563	-	904.564.759	-
Tạm ứng	920.122.460	-	641.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.734.000.000	-	4.428.580.000	-
Cộng	7.122.003.399		7.546.624.062	

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	7.120.489.820		7.120.489.820	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	55.114.326.438	-	24.991.618.712	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	64.713.858.057	-	55.928.584.994	-
Cộng	119.828.184.495		80.920.203.706	

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ kết chuyển hoạt động Bất động sản	4.449.874.829	3.516.045.507
Chi phí trả trước khác	2.284.030.247	2.852.208.704
Cộng	6.733.905.076	6.368.254.211

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước hoạt động Bất động sản	2.701.196.733	871.319.391
Chi phí trả trước khác	1.385.126.920	3.166.930.222
Cộng	4.086.323.653	4.038.249.613

9. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.922.626.118	33.000.000	9.955.626.118
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	9.922.626.118	33.000.000	9.955.626.118
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.749.528.489	24.750.008	2.774.278.497
Khấu hao trong năm	412.026.846	2.750.001	409.276.845
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	3.161.555.335	27.500.009	3.183.555.342
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.173.097.629	8.249.992	7.181.347.621
Số cuối kỳ	6.766.570.785	5.499.991	6.772.070.776

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm 04 căn biệt thự tại dự án Imperia Garden, số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Qua khảo sát thực tế các Bất động sản tại dự án Imperia Garden cho thấy các Bất động sản này không bị giảm giá trị.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Diện tích đất (m ²)	Nguyên giá	Tổng thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Nhà vườn 11	164,3	15.548.560.980		15.548.560.980
Nhà vườn 14	164,3	14.972.096.786		14.972.096.786
Nhà vườn 40	198,3	18.049.864.641		18.049.864.641
Nhà vườn 41	197,9	18.057.494.435		18.057.494.435
Cộng	724,8	66.628.016.842		66.628.016.842

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ cuối kỳ là 66.628.016.842 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		-
Công ty TNHH TMDV Nam Song Anh	33.266.043.129	33.266.043.129
Công ty Cổ phần Dầu Khí Đông Phương	-	35.286.508.115
Các nhà cung cấp khác	12.056.737.858	123.781.876.195
Cộng	45.322.780.987	192.334.427.439

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khách hàng cá nhân ứng tiền trước cho Công ty để mua căn hộ Thành An Towers tại số 21 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	149.094.144	(149.094.144)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.407.587.851	1.261.511.247		5.669.099.098
Thuế thu nhập cá nhân	13.273.651	19.698.605	(13.880.826)	19.091.430
Các loại thuế khác	-	21.481.282	(21.481.282)	-
Cộng	4.420.861.502	1.451.785.278	(184.456.252)	5.688.190.528

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Vay ngắn/dài hạn

14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	192.899.567.500	192.899.567.500	276.985.595.622	276.985.595.622
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Hưng ⁽ⁱ⁾	50.787.847.500	50.787.847.500	52.056.195.000	52.056.195.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	142.111.720.000	142.111.720.000	224.929.400.622	224.929.400.622
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	448.900.000	448.900.000
Vay dài hạn đến hạn trả	270.000.000	270.000.000	360.000.000	360.000.000
Cộng	193.169.567.500	193.169.567.500	277.794.495.622	277.794.495.622

⁽ⁱ⁾ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 833/2017/5502105/HĐTD ngày 09 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở LC, hạn mức vay là 120.000.000.000 VND. Thời gian cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 01 tháng 8 năm 2018. Lãi suất các khoản vay từ 6.5% đến 7%/năm tùy theo từng thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 166/2016/HĐTG ngày 25 tháng 10 năm 2016, số tiền 22.020.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Hưng.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 18.2500025/2018-HĐCVHM/NHCT900-LMHOLDING ngày 11/4/2018 để phát hành bảo lãnh, mở L/C, bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay là 400.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, hàng tồn kho, quyền tài sản các hợp đồng mua bán nhà ở số NV14/HĐMB/HBI, NV41/HĐMB/HBI, NV42/HĐMB/HBI ngày 9/11/2016 và các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh.

14b. Vay dài hạn

Số dư cuối năm là khoản vay theo 02 hợp đồng tín dụng số 0284.HĐTD.VIB827.17 ngày 06/6/2017 và hợp đồng tín dụng số 0477.HĐTD.VIB827.17 ngày 30/8/2017 để mua 02 xe ô tô Toyota Fortuner. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay từ 7.8% đến 8.09%/năm, được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn này, lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	360.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	945.000.000	945.000.000
Cộng	<u>945.000.000</u>	<u>1.305.000.000</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Số dư đầu năm nay	233.000.000.000	34.961.250.557	8.089.690.193	276.050.940.750
Góp vốn	-	-	-	-
Lợi nhuận lũy kế đến kỳ này	-	2.284.437.025	(4.104.528.536)	(1.820.091.511)
Giảm khác	-	(1.637.187.775)	-	(1.637.187.775)
Số dư cuối kỳ này	<u>233.000.000.000</u>	<u>35.608.499.807</u>	<u>3.985.161.657</u>	<u>272.593.661.464</u>

15b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	23.300.000	23.300.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	23.300.000	23.300.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	23.300.000	23.300.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	382.481.688.407	776.902.283.947
Doanh thu cung cấp dịch vụ	708.887.241	126.638.817
Doanh thu khác	9.844.314	32.296.663
Cộng	<u>383.200.419.962</u>	<u>777.061.219.427</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	365.913.900.736	760.105.430.890
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn khác	9.736.298	-
Cộng	365.923.637.034	760.105.430.890

3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.162.432.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.035.769	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.237.499	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.587.438.462	301.716.940
Các chi phí khác	11.975.691	-
Cộng	3.832.119.421	301.716.940

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.655.281.363	1.396.744.097
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.778.520	242.816.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.039.346	322.162.244
Thuế, phí và lệ phí	9.340.000	36.011.280
Dự phòng phải thu khó đòi	(253.874.080)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.284.462.718	3.004.795.470
Các chi phí khác	2.145.120.697	219.296.361
Cộng	7.289.148.564	5.221.826.114

5. Lãi trên cổ phiếu**5.a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.284.437.025	6.127.898.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Thưởng HĐQT, BĐH và thù lao HĐQT, BKS	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.284.437.025	6.127.898.790
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.300.000	23.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	98	263

CÔNG TY CỔ PHẦN LANDMARK HOLDING

Địa chỉ: 132 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp Nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

5.b Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.284.437.025	6.127.898.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
<i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.284.437.025	6.127.898.790
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.300.000	23.300.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	98	263

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


VƯƠNG ĐỨC THUẬN

ĐÀO VŨ THIÊN LONG**TRƯƠNG HOÀNG VŨ**